

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3733**/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày **27** tháng **3** năm **2026**

V/v quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công liên quan đến tài sản công là các sản phẩm, giải pháp an ninh mạng.

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại gạch đầu dòng (-) thứ 2 điểm h mục 1 Phần V Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW ngày 05/01/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị, Bộ Tài chính đề nghị Quý Cơ quan quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công liên quan đến tài sản công là các sản phẩm, giải pháp an ninh mạng như sau:

1. Quy định về xử lý tài sản công là các sản phẩm, giải pháp an ninh mạng

1.1. Quy định về xử lý tài sản công phải thay thế do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ

Theo quy định tại Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15), đối với tài sản công phải thay thế do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện thu hồi và được xử lý theo một trong các hình thức sau: (1) Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng; (2) Điều chuyển (3) Bán, thanh lý; (4) Tiêu hủy. Thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục thu hồi và việc xử lý tài sản công có quyết định thu hồi được quy định cụ thể tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 25, Điều 26 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02/02/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Quy định về xử lý tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả

Theo quy định tại Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15), đối với tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả thì được thanh lý theo một trong các hình thức: (1) Phá dỡ, hủy bỏ; (2) Bán. Thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục thanh lý tài sản công được quy định cụ thể tại các Điều 28, 29, 30 và 31 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; Điều 30 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.

1.3. Quy định về tiêu hủy tài sản công

Theo quy định tại Điều 46 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, đối với tài sản công bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan thì được tiêu hủy theo một trong các hình thức sau: (1) Sử dụng hóa chất; (2) Sử dụng biện pháp cơ học; (3) Hủy đốt, hủy chôn; (4) Hình thức khác theo quy định của pháp luật. Thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục tiêu hủy tài sản công được quy định cụ thể tại Điều 32, Điều 33 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; Điều 31 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.

1.4. Quy định về xử lý tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng không còn nhu cầu sử dụng

Theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 22 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15), trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao sử dụng tài sản công không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng thì thực hiện bán, điều chuyển. Thẩm quyền quyết định, trình tự thủ tục bán, điều chuyển tài sản công được quy định cụ thể tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP); Điều 27, Điều 29 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP.

2. Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng, máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số

2.1. Tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) quy định máy móc, thiết bị chuyên dùng bao gồm: (1) Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước không trên môi trường số; (2) Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng nêu trên thuộc thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số

15/2025/QĐ-TTg (sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg).

2.2. Tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg quy định Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số bao gồm: máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, máy in, máy scan tài liệu, máy hủy tài liệu, máy photocopy, tủ đựng tài liệu, két sắt bảo mật, máy móc, thiết bị khác phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số.

2.3. Tại khoản 1, khoản 2 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) quy định số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số do cơ quan, người có thẩm quyền hoặc cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, khối lượng, tính chất, mức độ bí mật của công việc chứa bí mật nhà nước.

2.4. Tại khoản 3 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) quy định mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số là mức giá quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục; các trường hợp khác thì mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền hoặc được phân cấp thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg) quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

3. Quy định thời gian tính hao mòn, trích khấu hao của tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là sản phẩm, giải pháp an ninh mạng

Liên quan đến việc tính hao mòn, trích khấu hao của tài sản cố định thì Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 hướng dẫn cụ thể chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; trong đó:

3.1. Đối với sản phẩm, giải pháp an ninh mạng là phần cứng/phần mềm độc lập

a) Trường hợp sản phẩm, giải pháp an ninh mạng là phần cứng (tài sản cố định hữu hình) thì thời gian sử dụng để tính hao mòn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC; đối với một số trường hợp phải xử lý tài sản do: (i) phải thay thế do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; (ii) chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu

quả; (iii) phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan; (iv) chưa hết hạn sử dụng nhưng không còn nhu cầu sử dụng thì thực hiện xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và nội dung hướng dẫn tại mục 1 Công văn này.

b) Trường hợp sản phẩm, giải pháp an ninh mạng là phần mềm (tài sản cố định vô hình) thì thời gian sử dụng để tính hao mòn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC, theo đó, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý. Vì vậy, đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ tình hình thực tế để quy định cho phù hợp với tính chất, đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì liên hệ Bộ Công an (cơ quan quản lý chuyên ngành về an ninh mạng) để được hướng dẫn cụ thể.

3.2. Đối với sản phẩm, giải pháp an ninh mạng là phần mềm gắn với máy móc, thiết bị và là bộ phận không thể tách rời của máy móc, thiết bị

Tại điểm h khoản 1 Điều 3 Thông tư số 141/2025/TT-BTC quy định đối với sản phẩm phần mềm là bộ phận không thể tách rời máy móc, thiết bị, được cài đặt sẵn trong máy móc, thiết bị khi thực hiện mua sắm và không thể vận hành máy móc, thiết bị khi không có sản phẩm phần mềm đó thì được xác định chung với máy móc, thiết bị là một tài sản. Trường hợp mua bản quyền, hệ điều hành của phần mềm khi hết thời hạn sử dụng theo chính sách của nhà cung cấp hoặc cần sử dụng bản nâng cấp do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ thì chi phí mua sản phẩm phần mềm thay thế/nâng cấp được tính vào kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

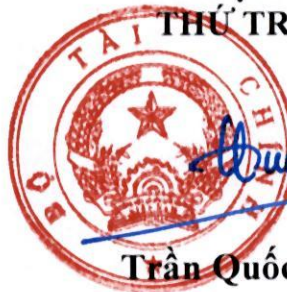
3.3. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã có Công văn số 3331/BTC-CNTT ngày 19/3/2026 gửi Bộ Công an tham gia ý kiến dự thảo Nghị định về hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; trong đó, tại mục 10 Công văn, Bộ Tài chính đề nghị bổ sung tại khoản 2 Điều 17 “Trách nhiệm của Bộ Công an” nội dung: “Quy định danh mục và thời gian sử dụng đối với sản phẩm, dịch vụ mạng, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ bảo đảm an ninh mạng” (Lý do: Các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng được sử dụng vào mục đích đặc thù có thời gian sử dụng và hao mòn khấu hao khác với các loại tài sản phục vụ cho công tác hành chính, dịch vụ công thông thường nên cần thiết Bộ Công an có quy định riêng về danh mục và thời gian sử dụng để đảm bảo máy móc, thiết bị phục vụ nhiệm vụ đặc thù về an ninh mạng).

Trên đây là một số nội dung liên quan đến quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công để phục vụ triển khai các sản phẩm, giải pháp an ninh mạng. Đề nghị Quý cơ quan quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (đề b/cáo);
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (đề b/cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KHTC, KHxHVN;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương